

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2018 tại Trụ sở Công ty cổ phần xây dựng số 9 tại tầng 4&5 Toà nhà Vinaconex 9, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 9 tổ chức cuộc họp:

1. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp:

- | | |
|------------------------|------------------------------|
| - Ông: Phạm Văn Hải | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông: Phạm Thái Dương | - Tổng Giám đốc Công ty |
| - Ông: Dương Văn Mậu | - Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông: Nguyễn Sỹ Thiêm | - Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông: Bùi Huy Thái | - Ủy viên Hội đồng quản trị |

2. Nội dung cuộc họp:

- Lựa chọn, phê duyệt đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty căn cứ:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018.

- Căn cứ tờ trình số 648, ngày 12 tháng 06 năm 2018 của Ban điều hành công ty về việc đề nghị Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty thảo luận, thống nhất nghị quyết thông qua nội dung như sau:

1. Chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH Deloitte là Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét báo cáo tài chính bán niên.

2. Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty chủ động đàm phán và ký kết hợp đồng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 với Công ty TNHH Deloitte.

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty tham gia dự họp biểu quyết thông qua nội dung trên với tỷ lệ 100% thành viên dự họp.



CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY:

1. CHỦ TỊCH HĐQT (Ký tên và đóng dấu)

2. Ông Phạm Thái Dương

4. Ông Nguyễn Sỹ Thiêm

3. Ông Dương Văn Mậu

5. Bùi Huy Thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~016~~/VN1A-HN-HĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2018

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

**Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
và Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9**

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Kiểm toán Độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán/Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;

Căn cứ vào Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 về việc lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

Căn cứ vào kết quả đàm phán đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa ("các Bên"):

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Đại diện là: Ông Phạm Thái Dương
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại: +84 24 3554 0606
Fax: +84 24 3554 0615
Địa chỉ: Tầng 4 và 5, Tòa nhà Vinaconex 9
Lô HH2-2, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam.
Mã số thuế: 01 010 51096

BÊN B: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Đại diện là: Ông Đặng Chí Dũng
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Theo Thư ủy quyền số 59/VN1A-HN-UQ ngày 01/7/2017)
Điện thoại: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678
Địa chỉ: 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tài khoản ngân hàng: 9373597 [VND]
9373654 [USD]
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
39 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế: 01 001 12500

Điều 1: Nội dung dịch vụ

- Bên B đồng ý soát xét báo cáo tài chính toàn Công ty của Bên A cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.
- Bên B đồng ý soát xét báo cáo tài chính Văn phòng Cơ quan Công ty của Bên A cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.
- Bên B đồng ý kiểm toán báo cáo tài chính toàn Công ty của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.
- Bên B đồng ý kiểm toán báo cáo tài chính Văn phòng Cơ quan Công ty của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích báo cáo theo luật định.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực*Đối với dịch vụ soát xét*

Mục tiêu của việc soát xét là cung cấp sự đảm bảo một cách tương đối về tính hợp lý của báo cáo tài chính của Bên A phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính của Bên A cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018. Việc soát xét sẽ hạn chế tại mức độ phỏng vấn các nhân sự của Bên A và soát xét phân tích ở mức tổng quát đối với các số liệu của báo cáo tài chính. Do vậy, việc soát xét sẽ không cung cấp sự đảm bảo về số liệu báo cáo tài chính bằng một cuộc kiểm toán và theo đó Bên B sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

Đối với dịch vụ kiểm toán

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, của báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018 để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận. Tuy nhiên, do bản chất của gian lận, một cuộc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện một cách hợp lý vẫn có thể sẽ không phát hiện được các sai sót trọng yếu. Vì vậy, cuộc kiểm toán được thiết lập để đạt được sự đảm bảo hợp lý, nhưng không tuyệt đối rằng báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán không nhằm phát hiện các sai sót và gian lận không mang tính trọng yếu đối với báo cáo tài chính cũng như không nhằm mục đích cung cấp một sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc phát hiện các vấn đề thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Việc đưa ra ý kiến kiểm toán cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Ban Giám đốc Bên A.

Điều 3: Trách nhiệm của các Bên*Trách nhiệm của Bên A*

Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, bên cạnh các trách

nhiệm khác, Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm: (1) thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc lập báo cáo tài chính và thông báo cho Bên B những điểm yếu và thiếu sót trọng yếu phát hiện được trong quá trình thành lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc lập báo cáo tài chính, (2) phát hiện và đảm bảo rằng Bên A tuân thủ theo các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình và thông báo với Bên B bất kỳ một trường hợp vi phạm pháp luật nào về việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước, (3) phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán, (4) điều chỉnh báo cáo tài chính trong trường hợp có sai sót trọng yếu, (5) thực hiện các ước tính kế toán phù hợp, (6) bảo vệ tài sản, (7) đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết có liên quan cho Bên B, (8) cung cấp cho Bên B các báo cáo tài chính đã được ký và đóng dấu xác nhận và (9) bố trí nhân sự liên quan cùng hợp tác làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Bên A còn có trách nhiệm thiết lập và thực hiện các chương trình và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và có trách nhiệm thông báo cho Bên B về những gian lận, đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ, có ảnh hưởng đến Bên A liên quan đến (1) Ban Giám đốc, (2) những nhân viên có vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và (3) các trường hợp khác có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm thông báo cho Bên B nguyên nhân của các gian lận đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ có ảnh hưởng đến Bên A mà Ban Giám đốc biết được qua trao đổi với nhân viên đang công tác, các nhân viên đã nghỉ việc, các nhà phân tích, các cơ quan Nhà nước hoặc những cá nhân khác.

Bên B sẽ đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với Ban Giám đốc Bên A về các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Bên B sẽ yêu cầu Bên A cung cấp Thư giải trình của Ban Giám đốc, một trong những thủ tục của quy trình kiểm toán/soát xét, nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình kiểm toán/soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến kỳ hoạt động trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban Giám đốc Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình kiểm toán/soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban Giám đốc, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các khoản công nợ, các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban Giám đốc Bên A.

Trách nhiệm của Bên B

Bên B có trách nhiệm thực hiện công việc kiểm toán/soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam/Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và cung cấp cho Bên A báo cáo kiểm toán độc lập/báo cáo soát xét về báo cáo tài chính của Bên A khi kết thúc công việc kiểm toán/soát xét.

Bên B sẽ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý thích hợp của Bên A về những vấn đề được chú ý trong quá trình kiểm toán/soát xét mà Bên B cho rằng là những "vấn đề thiếu sót". "Vấn đề thiếu sót" là những vấn đề mà Bên B cho rằng cần phải thảo luận với Hội đồng Quản trị của Bên A vì những vấn đề này thể hiện những thiếu sót trọng yếu trong việc thiết lập hoặc vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ghi nhận, xử lý, và báo cáo các dữ liệu tài chính nhất quán với những xác nhận của Ban Giám đốc trên báo cáo tài chính.

Nhằm tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, khi phát hiện ra các vi phạm trọng yếu, Bên B cũng sẽ trao đổi với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Bên A ("Ban quản trị") sớm nhất có thể và nếu Ban quản trị của Bên A không quy định khác thì các vi phạm không trọng yếu sẽ được Bên B trao đổi với Ban quản trị của Bên A trên cơ sở 6 tháng một lần.

Bên B sẽ thông báo cho Bên A các tình huống có thể dẫn đến :

- Việc trì hoãn việc hoàn thành các công việc của Bên B trong quá trình kiểm toán/soát xét;
- Việc mở rộng phạm vi công việc; hoặc
- Việc tăng phí cho khối lượng công việc.

Theo hợp đồng này, nếu Bên B biết những thông tin mật của Bên A, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ Ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và hệ thống quản lý pháp luật, hoặc phù hợp với chuẩn mực nghiệp vụ đang được áp dụng, hoặc có quan hệ với các tranh chấp kiện cáo liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên (i) đã được phổ biến rộng rãi (bao gồm bất kỳ thông tin nào được nộp với các cơ quan quản lý Nhà nước và được phổ biến rộng rãi) chứ không phải do Bên B vi phạm tiết lộ thông tin này, (ii) được công bố bởi Bên A đến Bên thứ Ba mà không vi phạm những giới hạn nêu trên, (iii) được công bố đến Bên B từ một Bên thứ 3 mà Bên B tin rằng việc tiết lộ những thông tin này không vi phạm bất kỳ một điều khoản ràng buộc nào của Bên B với Bên A, (iv) thông tin được Bên B biết trước khi có công bố từ Bên A mà không có bất kỳ giới hạn mật về thông tin như trên, hoặc (v) những thông tin Bên B tự tổng hợp được từ nguồn thông tin Bên A đã công bố cho bên B.

Bên B cam kết sẽ đảm bảo cung cấp dịch vụ với chất lượng cao. Nếu Bên A muốn thảo luận với Bên B về cách thức để có thể nâng cao chất lượng dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A vào bất kỳ thời điểm nào hoặc trong trường hợp Bên A không hài lòng với chất lượng dịch vụ mà Bên B đang cung cấp thì xin vui lòng liên hệ với bên B. Đầu mối liên hệ chính của bên B là Ông Đặng Chí Dũng tại địa chỉ nêu trên hoặc, nếu bên A muốn liên hệ với một ai khác thì xin vui lòng liên lạc với Ông Trần Huy Công là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kiểm toán – Văn phòng Hà Nội của Bên B. Bên B sẽ cân nhắc kỹ các vấn đề mà bên B thấy cần quan tâm một cách kịp thời và liên hệ với Bên A để bàn phương án giải quyết vấn đề đó.

Điều 4: Báo cáo

Sau khi kết thúc công việc soát xét và kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Sáu (06) bộ bằng tiếng Việt báo cáo soát xét về báo cáo tài chính toàn Công ty/Văn phòng Cơ quan Công ty của Bên A cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

- Sáu (06) bộ bằng tiếng Việt báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính Văn phòng Cơ quan Công ty của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

- Sáu (12) bộ bằng tiếng Việt và sáu (06) bộ bằng tiếng Anh báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính toàn Công ty của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Nếu Bên A dự định phát hành hoặc tái phát hành báo cáo của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin tham khảo đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét và như vậy sẽ liên quan đến Bên B bởi các tài liệu đó, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản thảo của tài liệu này để đọc và chỉ phát hành, phổ biến các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản. Việc sử dụng một phần hoặc tham khảo đến báo cáo của Bên B trong các tài liệu trên có nghĩa là Bên B sẽ phải phát hành lại báo cáo. Bên A cũng đảm bảo sẽ thông báo cho Bên B và phải được Bên B đồng ý bằng văn bản trước khi phổ biến báo cáo của Bên B trên bất kỳ hệ thống thông tin điện tử nào.

Cam kết của Bên B trong việc thực hiện các dịch vụ nêu trên không bao gồm việc đồng ý liên quan đến các tài liệu phát hành hoặc tái phát hành bởi hoặc thay mặt cho Bên A. Mọi yêu cầu của Bên A để tái phát hành báo cáo của Bên B hoặc tham khảo Báo cáo của Bên B trong các thư chào hàng, các tài liệu hoặc việc phổ biến trên hệ thống thông tin điện tử sẽ được xem xét trên cơ sở tình hình thực tế tại thời điểm được yêu cầu. Phí dịch vụ đưa ra trong hợp đồng này không bao gồm bất kỳ dịch vụ nào liên quan tới những yêu cầu trên. Phí của các dịch vụ theo yêu cầu nêu trên được thực hiện bởi Bên B (cũng như phạm vi của dịch vụ) sẽ do hai bên thỏa thuận và sẽ được trình bày trong một hợp đồng khác hoặc bằng một thỏa thuận riêng.

Điều 5: Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố

Kết quả kiểm toán/soát xét của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 6: Kế hoạch thực hiện kiểm toán/soát xét

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán/soát xét như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Kế hoạch thực hiện kiểm toán/soát xét:		
Lập kế hoạch	01/7/2018	03/7/2018
Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017	23/7/2018	28/7/2018
Thực hiện thủ tục kiểm toán sơ bộ	17/12/2018	19/12/2018
Quan sát kiểm kê tiền mặt, tồn kho, TSCĐ cuối năm	31/12/2018	31/12/2018
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	21/01/2019	26/01/2019
Lập báo cáo:		
Dự thảo báo cáo soát xét toàn Công ty/Văn phòng Cơ quan Công ty		10/8/2018
Báo cáo soát xét chính thức toàn Công ty/Văn phòng Cơ quan Công ty		14/8/2018
Dự thảo báo cáo kiểm toán độc lập toàn Công ty/Văn phòng Cơ quan Công ty		15/2/2019
Báo cáo kiểm toán độc lập chính thức toàn Công ty/Văn phòng Cơ quan Công ty		28/2/2019
Thư quản lý (nếu có)		05/4/2019

Điều 7: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

Tổng mức phí chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là **180.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng Việt Nam chẵn). Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc.

Mức phí thực hiện sao y bản chính báo cáo là **150.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng Việt Nam chẵn)/01 báo cáo.

Điều khoản thanh toán

Bên B sẽ phát hành hóa đơn như sau:

Ngày phát hành hóa đơn

Tại ngày ký hợp đồng	10%
Tại ngày bắt đầu thực hiện soát xét báo cáo 6 tháng	40%
Tại ngày bắt đầu kiểm toán báo cáo cuối năm	40%
Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán độc lập	10%

Các hóa đơn của Bên B sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng đồng Việt Nam. Bên B có quyền tính lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm chốt để tính lãi cho giai đoạn chậm

trả nếu Bên A không thanh toán đúng theo các điều khoản về thanh toán trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bên B phát hành chứng từ yêu cầu thanh toán.

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình kiểm toán/soát xét hoặc thay đổi phạm vi kiểm toán/soát xét bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được kiểm toán/soát xét, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình kiểm toán/soát xét (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (6) Bên A chỉ trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành. Bên B sẽ thông báo kịp thời bất kỳ một trường hợp nào có ảnh hưởng nghiêm trọng tới các ước tính này do các vấn đề về công tác hậu cần và các vấn đề khác trình bày dưới đây và sẽ thoả thuận với Ban Giám đốc Bên A bất kỳ một khoản phí phát sinh thêm nào, nếu có.

Vấn đề về công tác hậu cần

- (a) Những thay đổi trong kế hoạch kiểm toán/soát xét theo yêu cầu của Bên A. Việc thay đổi kế hoạch thực hiện cuộc kiểm toán/soát xét thường dẫn đến thay đổi trong nhân sự thực hiện cuộc kiểm toán/soát xét của Bên B. Tuy nhiên, do việc phân công nhân viên khác thực hiện cuộc kiểm toán/soát xét thực tế không dễ dàng, việc thay đổi này có thể dẫn tới việc phát sinh một số chi phí phụ khá lớn.
- (b) Toàn bộ các tài liệu kiểm toán/soát xét (i) không được Bên A cung cấp kịp thời theo yêu cầu của Bên B (ii) không được Bên A cung cấp theo các mẫu biểu mà Bên B chấp nhận (iii) không chính xác về mặt số liệu, hoặc (iv) không phù hợp với các ghi chép kế toán của Bên A (ví dụ như sổ kế toán tổng hợp). Bên B sẽ gửi đến Bên A danh sách các tài liệu cần có để thực hiện cuộc kiểm toán/soát xét, các thông tin cần thiết và thời gian các tài liệu đó cần được cung cấp cho Bên B.
- (c) Trì hoãn việc phúc đáp các yêu cầu cung cấp thông tin của Bên B ví dụ như đối chiếu các sổ chênh lệch hoặc cung cấp chứng từ cần thiết (ví dụ như hoá đơn, hợp đồng và các chứng từ khác).
- (d) Chất lượng các ghi chép kế toán của Bên A trong năm nay giảm so với năm trước.
- (e) Bên A không cung cấp kịp thời cho Bên B bảng cân đối kế toán hoàn chỉnh có tham chiếu tới các phân tích, tài liệu và báo cáo tài chính.
- (f) Nhân viên của Bên A không lập báo cáo tài chính chưa kiểm toán/chưa soát xét và chứng từ kế toán một cách hợp lý và kịp thời.
- (g) Bên A không kịp thời cung cấp cho Bên B các tài liệu kế toán điện tử được lập một cách phù hợp và mang các thông tin yêu cầu để phục vụ quá trình phỏng vấn của Bên B. Bên B sẽ cung cấp cho Bên A danh sách và thời gian cần cung cấp các tài liệu này.
- (h) Trong quá trình thực hiện kiểm toán/soát xét tại văn phòng Bên A, nhóm thực hiện kiểm toán/soát xét không kết nối Internet tốc độ cao được qua mạng máy tính hiện có tại văn phòng Bên A hoặc qua mạng DSL cho mục đích thực hiện cuộc kiểm toán/soát xét.
- (i) Bộ phận kế toán của Bên A không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu không phù hợp cho Bên B như đã được thoả thuận trước.

Các vấn đề khác

- (a) Các vấn đề thiếu sót được phát hiện trong hệ thống kiểm soát của Bên A có thể dẫn đến việc phải thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán/soát xét.
- (b) Có nhiều bút toán điều chỉnh trong quá trình thực hiện kiểm toán/soát xét.
- (c) Có nhiều dự thảo báo cáo tài chính chưa kiểm toán/chưa soát xét được cung cấp cho Bên B để soát xét hoặc Bên B phát hiện được nhiều thiếu sót trong báo cáo tài chính dự thảo.

(d) Các vấn đề khác, ví dụ:

- Các vấn đề kế toán mới và trọng yếu;
- Thay đổi lớn trong các chính sách kế toán hoặc hoạt động kế toán so với năm trước;
- Thay đổi lớn hoặc phát sinh các giao dịch không có trong dự tính của Bên B;
- Thay đổi lớn trong quy trình báo cáo tài chính của Bên A hoặc trong hệ thống công nghệ thông tin của Bên A;
- Thay đổi lớn trong nhân sự thực hiện công tác kế toán của Bên A, trách nhiệm và thời gian tham gia vào cuộc kiểm toán của các cá nhân này;
- Thay đổi lớn liên quan đến việc sử dụng các chuyên gia của Bên A hoặc công việc của họ không đáp ứng được các tiêu chuẩn nghề nghiệp theo các chuẩn mực kiểm toán hoặc không phải là cơ sở đáng tin cậy cho mục đích kiểm toán/soát xét;
- Thay đổi trong phạm vi thực hiện kiểm toán/soát xét do các yếu tố mà Bên B không thể kiểm soát được.

Kết thúc hợp đồng trước thời hạn

Nếu Bên B buộc phải kết thúc hợp đồng kiểm toán/soát xét hoặc rút lui khỏi cuộc kiểm toán vì một sự kiện nào đó thì bên A nhất trí rằng Bên B sẽ được hưởng mức phí hợp lý tương xứng với phần công việc Bên B đã thực hiện và tham gia vào hợp đồng này tính đến ngày ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng này. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào có thể phát sinh do hệ quả của việc Bên B kết thúc hợp đồng kiểm toán/soát xét hoặc rút lui khỏi cuộc kiểm toán/soát xét theo quy định tại điều khoản này trừ trường hợp việc kết thúc hợp đồng kiểm toán/soát xét hoặc rút lui khỏi cuộc kiểm toán là do hoặc có liên quan đến hành vi gian lận, dụng ý xấu hoặc hành vi sai trái có chủ ý của Bên B.

Điều 8: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ kiểm toán/soát xét, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ kiểm toán/soát xét sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 9: Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc kiểm toán/soát xét, Ban Giám đốc của Bên A và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Ban Giám đốc Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Ban Giám đốc Bên A sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các thành viên Ban Giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó.

Nhằm tuân thủ các chuẩn mực và quy định của Việt Nam về tính độc lập, Bên A đồng ý cung cấp cho Bên B các thông tin bao gồm: (1) mô tả về cơ cấu của công ty trong đó xác định rõ tên gọi pháp lý của các công ty thành viên (ví dụ các công ty mẹ, các công ty con, các nhà đầu tư, các đơn vị nhận đầu tư), cùng với mô tả về mối quan hệ sở hữu giữa các đơn vị này, và (2) cổ phiếu và trái phiếu của công ty và các công ty thành viên hiện đang chào bán cho các nhà đầu tư riêng lẻ (thông qua thị trường chứng khoán, hoặc các thị trường tương tự khác, hoặc thông qua chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác), cùng với các thông tin mô tả các loại chứng khoán liên quan (ví dụ mã chứng khoán).

Điều 10: Chống tham nhũng

Bên B hiểu rằng Bên A phải tuân thủ luật pháp về việc không được hối lộ và/hoặc biếu tặng bất kỳ thứ gì có giá trị cho các công chức Nhà nước với ý định gây ảnh hưởng đến cá nhân đó để có lợi cho Bên A. Bên B cũng phải tuân thủ các quy định tương tự theo luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, Bên B cũng có các chính sách và quy trình nội bộ riêng để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức. Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Bên B cam kết không đề nghị, hứa hẹn hoặc đưa ra các lợi ích tài chính hoặc bất kỳ lợi ích nào khác cho người khác với ý định khiến họ thực hiện các hành vi sai trái hoặc khuyến khích các hành vi sai trái vì lợi ích của Bên A.

Điều 11: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

Bên A đồng ý rằng mọi trách nhiệm của Bên B, các thành viên Ban Giám đốc, các giám đốc nghiệp vụ, nhân viên hay các đơn vị liên quan của Bên B đối với bất kỳ khoản lỗ, tổn thất, chi phí hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu phát sinh liên quan đến hợp đồng, các dịch vụ hoặc công việc cho mục đích thực hiện hợp đồng, do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (bao gồm sự bất cẩn của Bên B nhưng không bao gồm những hành vi cố ý của Bên B), nếu được tòa án chứng thực, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí mà Bên B nhận được tương xứng với phần dịch vụ hay sản phẩm công việc làm phát sinh trách nhiệm này.

Bên A đồng ý bảo đảm và bảo vệ Bên B, các thành viên Ban Giám đốc, các giám đốc nghiệp vụ, nhân viên và các đơn vị liên quan của Bên B khỏi, và đối với, bất kỳ và toàn bộ các chi phí, tổn thất, khiếu nại, yêu sách, kiện tụng, kiện cáo hay chi phí kiện tụng đã trả, đã phát sinh, hay đã chấp nhận (tùy thuộc từng tình huống cụ thể), do một bên thứ ba khởi kiện Bên B do hoặc liên quan đến hợp đồng này, hoặc do việc sử dụng báo cáo kiểm toán/soát xét do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (trừ trường hợp do hành vi gian lận hay hành vi sai trái cố ý của Bên B).

Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các tổn thất, chi phí, thiệt hại nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che giấu, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B.

Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất cứ bên nào liên quan đến báo cáo kiểm toán độc lập/báo cáo soát xét hay bất kỳ sự tin cậy nào vào các báo cáo này ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định rõ ràng (và trong trường hợp đó cũng tùy thuộc vào điều khoản giới hạn trên).

Điều 12: Những thuật ngữ chung

Nhà thầu độc lập: Bên B được hiểu thống nhất là một nhà thầu độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một người ủy thác hay đại diện của Bên A hay của Hội đồng Quản trị của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.

Sở hữu giấy tờ làm việc: Giấy tờ làm việc được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Các giấy tờ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.

Sử dụng internet: Các Bên xác nhận rằng:

- (a) Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác; và
- (b) Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lệch nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các Bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

Giải trình và đảm bảo: Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

- (a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy

định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình;
và

- (b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào hợp đồng này

Cam kết và trường hợp bất khả kháng: Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong trường hợp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Không một Bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với Bên kia nếu một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, Bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp Bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

Giải quyết tranh chấp: Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết trước tiên thông qua trao đổi trực tiếp. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương thảo, sẽ được giải quyết theo Luật thương mại của nước CHXHCN Việt Nam và tại toà án nhân dân nơi ký hợp đồng.

Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc uỷ quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến hợp đồng này) mà không được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các bên còn lại. Bên B có thể chuyển giao hoặc ký hợp đồng phụ chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này tới bất cứ một Chi nhánh nào của mình tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

Cung cấp thông tin: Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

- (a) Khi soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải văn tắt mô tả nội dung công việc, và
- (b) Khi soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

Cơ cấu của Hãng Deloitte: Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (gọi tắt là "Deloitte Việt Nam" hay "Bên B" trong hợp đồng này) và các công ty thành viên của Deloitte Việt Nam được gọi chung là Deloitte Việt Nam, trực thuộc Công ty TNHH Deloitte Đông Nam Á (gọi tắt là "DSEA"), trong đó Công ty TNHH Deloitte Đông Nam Á là hãng thành viên của Mạng lưới Deloitte. Cụm từ 'Mạng lưới Deloitte' chỉ một tổ chức trong đó các công ty đóng vai trò là hãng thành viên của DTTL. Không một DTTL, hay một trong số các công ty con, hoặc hãng thành viên của DTTL hoặc các công ty con của các hãng thành viên phải chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ, nghĩa vụ, hành động hoặc sự bất cẩn của các bên còn lại, trừ khi được nêu rõ trong hợp đồng này. Mỗi hãng thành viên của DTTL và mỗi công ty con sẽ đóng vai trò là các pháp nhân độc lập hoạt động dưới tên gọi 'Deloitte', 'Deloitte & Touche', 'Deloitte Touche Tohmatsu' hoặc các tên gọi tương tự; các dịch vụ sẽ do các hãng thành viên hoặc các công ty con của các hãng thành viên này cung cấp. DTTL không trực tiếp cung cấp các dịch vụ này.

Hợp đồng này chỉ được lập giữa Bên A và Bên B (Deloitte Việt Nam). Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Deloitte Việt Nam hay Bên B, được tùy ý sử dụng nguồn lực của các hãng thành viên khác của DTTL, các công ty hợp danh, công ty, hoặc các công ty con, công ty thành viên bao gồm nguồn lực của các thành viên khác của DSEA (gọi chung là "Các hãng khác của Deloitte"). Bất kỳ thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ hoặc nhân viên nào thuộc các hãng khác của Deloitte làm việc với Bên A liên quan đến dịch vụ mà Bên B cung cấp đều sẽ chỉ làm việc với Bên A với tư cách đại diện cho Bên B. Bên B chịu trách nhiệm đối với hành động của thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ, nhân viên

của bất kỳ Hãng khác của Deloitte liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của bên B như trình bày trong hợp đồng này.

Các quy định nêu ở hai đoạn liền kề phía trên do Bên B ban hành nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của các hãng khác của Deloitte, các thành viên Ban Giám đốc, các giám đốc nghiệp vụ, nhân viên của họ (gọi chung là "Bên thụ hưởng"). Bên A nhất trí rằng Bên thụ hưởng được quyền áp dụng các nội dung được đề cập ở đoạn trên đây giống như các bên của hợp đồng này. Mỗi hãng khác của Deloitte tham gia trợ giúp Bên B trong việc cung cấp dịch vụ đều sẽ được phép áp dụng quyền bảo hộ như đã quy định trong các đoạn trên đây mà bên B là bên đứng ra đại diện cho họ.

Điều 13: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là toàn bộ những thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và thay thế cho tất cả các thỏa thuận hiện tại và trước đây bằng văn bản hay không bằng văn bản liên quan đến hợp đồng này của hai Bên. Hợp đồng này thiết lập sự thỏa thuận tổng thể và sự hiểu biết giữa các Bên về các nội dung trong hợp đồng. Mọi thay đổi trong nội dung của hợp đồng này phải được lập bằng văn bản và chỉ có hiệu lực sau khi được ký bởi đại diện của hai Bên. Mỗi điều khoản trong hợp đồng này cấu thành từng điều khoản riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này bị xem là không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của tòa án hay cơ quan có đủ quyền hạn pháp lý, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau và sẽ có hiệu lực từ ngày của hợp đồng cho đến khi hoàn thành dịch vụ. Bên A giữ một (01) bản gốc, Bên B giữ một (01) bản gốc.

Bản hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc hợp đồng hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng của cả hai Bên. Hợp đồng sẽ mặc nhiên thanh lý khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.

Thay mặt và đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9



Phạm Thái Dương
Tổng Giám đốc